TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 26/8/2021
V/v: Ly hôn giữa bà L và ông K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.
Bà Nguyễn Thị Hoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp " Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXX- ST ngày 10 tháng 8 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Đăng K, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Lầm, xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 01/7/2021 và trong các lời khai và tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày: Bà sống với ông K từ ngày 15/01/1989 nhưng đến ngày 29/9/2020 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu chung sống hòa hợp hạnh phúc năm 2014 bà đi Xuất khẩu lao động nước ngoài đến năm 2019 bà về nước ông K đã lạnh nhạt với bà và thường xuyên gây sự đánh đập bà đuổi bà ra khỏi nhà nhiều lần như vậy bà phải báo chính quyền địa phương can thiệp và ông K có quan hệ

với người đàn bà khác, bà và các con đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông K không thay đổi. Bà và ông K đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung, Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1990, Nguyễn Đăng Hưng, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Hường, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đăng K trình bày trong bản tự khai: Lời khai của bà L và thời gian về chung sống, thời điểm đăng ký kết hôn về con chung là hoàn toàn đúng còn về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà L đi làm về tự ý ra ở với con không về nhà ở chung với ông và bà L hay gây sự với ông. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông không nhất trí ly hôn vì không muốn gia đình tan nát con cái không có chỗ dựa.

Về con chung: Vợ chồng có 3 con chung, các con đã trưởng thành ông không đề nghị tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Đăng K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình. Bà L có mặt tại phiên tòa, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Đăng K.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Đăng K có hộ khẩu thường trú tại thôn Lầm, xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa bà L có mặt, ông K có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, HĐXX đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông K.

[2] *Về nội dung*: Bà L về chung sống với ông K từ ngày 15/01/1989 nhưng đến ngày 29/9/2020 ông bà mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó xác định hôn nhân giữa bà L và ông K là hôn nhân hợp pháp, trước khi về chung sống hai bên được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu chung sống hòa hợp hạnh phúc năm 2014 bà L đi Xuất khẩu lao động nước ngoài đến năm 2019 bà về nước ông K đã lạnh nhạt với bà và thường xuyên gây sự đánh đập bà đuổi bà ra khỏi nhà, nhiều lần như vậy bà phải báo chính quyền địa phương can thiệp. Ông K có quan hệ với người đàn bà khác bà và các con đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông K không thay đổi. Bà và ông K đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không xây dựng hạnh phúc được với nhau bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Ý kiến của ông K không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án. Qua kết quả xác minh với chính quyền địa phương và gia đình hai bên đều xác nhận bà L và ông K xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Thực tế mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà L được ly hôn ông K

[3] *Về con chung:* Các con đã trưởng thành.

[4] *Về tài sản, công nợ:* Bà L ông K không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Đăng K.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 08/7/2021 theo biên lai thu số AA/2017/0005415 xác nhận bà L đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoan **Đỗ Thị Hoài Mơ** **Nguyễn Thị Lự**